BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC VIỄN THÁM QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198 /QĐ-VTQG

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2026 của Cục Viễn thám quốc gia

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÁM QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thám quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5818/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Cục Viễn thám quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công nghệ và Thẩm định viễn thám.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2026 của Cục Viễn thám quốc gia *(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Công nghệ và Thẩm định viễn thám và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Cục VTQG (để công khai);
- Lưu: VT, CNTĐVT.H0.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC VIỄN THÁM QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Tuấn Ngọc

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC VIỄN THÁM QUỐC GIA

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số 198 /QĐ-VTQG ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Cục Viễn thám quốc gia)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	**Số thu phí, lệ phí**	**6.000**	**1.580**	**26,3%**	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	6.000	1.580	26,3%	
-	Phí sử dụng tư liệu viễn thám	6.000	1.580	26,3%	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**3.300**	**1.290**	**39,1%**	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	3.300	1.290	39,1%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.300	1.290	39,1%	
-	Chi từ nguồn phí sử dụng tư liệu viễn thám	3.300	1.290	39,1%	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**2.700**	**290**	**10,7%**	
3.1	Các hoạt động kinh tế	2.700	290	10,7%	
-	Nộp NSNN phí sử dụng tư liệu viễn thám	2.700	290	10,7%	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**168.760**	**54.018**	**32,0%**	
	Vốn trong nước	***128.088***	***54.018***	***42,2%***	
	Vốn nước ngoài	***40.672***	***0***	***0,0%***	
I	**Chi quản lý hành chính**	**8.766**	**5.300**	**60,5%**	
1	**Vốn trong nước**	**8.766**	**5.300**	**60,5%**	
1.1	***Kinh phí thực hiện tự chủ***	***8.327***	***5.300***	***63,6%***	
a	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	6.791	4.829	71,1%	
b	Chi thường xuyên theo định mức	1.536	471	30,7%	
b1	Chi thường xuyên theo biên chế (đã bao gồm mua sắm thay thế, sửa chữa (nếu có)	1.536	471	30,7%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
b2	Chi thường xuyên bổ sung theo kế hoạch nhiệm vụ hàng năm	0	0		
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	0	0		
1.2	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	***439***	***0***	***0,0%***	
-	Quỹ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	439	0	0,0%	
II	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**	**15.342**	**11.486**	**74,9%**	
1	***Vốn trong nước***	***15.342***	***11.486***	***74,9%***	
1.1	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ**	**12.478**	**9.727**	***78,0%***	
1.1.1	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
1.1.2	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	12.478	9.727	78,0%	
a	*Chuyển tiếp*	*9.612*	*7.785*	*81,0%*	
-	TNMT.ĐL.2025.09.02. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ viễn thám hỗ trợ thẩm định và giám sát quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư phục vụ giảm thiểu tác động xấu và suy thoái môi trường	2.312	2.312	100,0%	
-	TNMT.ĐL.2025.09.01. Nghiên cứu phát triển mô hình học sâu, học máy và ứng dụng giải pháp xử lý dữ liệu lớn trong xử lý, tích hợp đa nguồn dữ liệu viễn thám giám sát phát thải khí cacbonic (CO2)	1.555	1.258	80,9%	
-	TNMT.ĐL.2025.09.03.Nghiên cứu ứng dụng mô hình học sâu (deep learning) để tự động phát hiện và định lượng chính xác lượng phát thải khí mê-tan (CH4) từ các nguồn phát thải lớn bằng dữ liệu viễn thám đa phổ	1.574	1.278	81,2%	
-	TNMT.ĐL.2025.09.04. Nghiên cứu ứng dụng viễn thám trong giám sát dung lượng nước hồ chứa khu vực thượng lưu sông Hồng	2.208	1.390	63,0%	
-	TNMT.ĐL.2025.09.05. Nghiên cứu ứng dụng ảnh viễn thám, GIS và mô hình thủy động lực để đánh giá sức tải môi trường nước ở vùng nuôi trồng thủy sản khu vực biển ven bờ phục vụ quản lý môi trường bền vững	1.963	1.547	78,8%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
b	*Mở mới*	*2.866*	*1.942*	*67,8%*	
-	Nghiên cứu xây dựng chuẩn dữ liệu viễn thám mở đa độ phân giải và phát triển hệ thống tự động hóa quá trình thu nhận, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu viễn thám được thu nhận tại trạm thu ảnh vệ tinh của nước ngoài	967	653	67,5%	
-	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát hành lang bảo vệ nguồn nước, cảnh báo nguy cơ sạt sở, bồi lắng và ô nhiễm môi trường nước, bảo đảm an ninh nguồn nước với hồ chứa, liên hồ chứa có dung tích lớn, thực nghiệm tại liên hồ chứa thủy điện Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình	700	689	98,4%	
-	Nghiên cứu ứng dụng kết hợp công nghệ radar giao thoa tán xạ liên tục (PSInSAR) có sử dụng hệ thống khống chế gương phản xạ và trí tuệ nhân tạo phục vụ giám sát lún bề mặt đất, thực nghiệm tại một số tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu long trong xu thế biến đổi khí hậu	683	342	50,1%	
-	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với trí tuệ nhân tạo phục vụ giám sát ô nhiễm môi trường đất do kim loại nặng tại các khu vực hoạt động công nghiệp	516	258	50,0%	
1.1.3	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0		
1.2	**Chuyển đổi số**	**2.591**	**1.759**	**67,9%**	
-	Đề án đặc thù "Thông tin quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám"	464	187	40,3%	
-	Vận hành, duy trì hệ thống và cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia	2.127	1.572	73,9%	
1.3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**273**	**0**	**0,0%**	
1.3.1	Tiêu chuẩn, quy chuẩn	0	0		
-	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thành lập bản đồ một số thành phần chất lượng không khí bằng công nghệ viễn thám*				
1.3.2	Quản lý nhà nước về KHCN	273	0	0,0%	
1.3.3	Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
III	**Chi hoạt động kinh tế**	**89.302**	**30.135**	**33,7%**	
1	***Vốn trong nước***	***89.302***	***30.135***	***33,7%***	
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**0**	**0**		
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**89.302**	**30.135**	**33,7%**	
1.2.1	***Nhiệm vụ chuyên môn***	***32.040***	***5.367***	***16,8%***	
a	Nhiệm vụ Chính phủ	23.715	196	0,8%	
-	*Nhiệm vụ chuyển tiếp*	*23.715*	*196*	*0,8%*	
+	Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp phương pháp địa vật lý - hải dương xác định dịch chuyển bờ ngầm và địa chất tầng nông đới bờ phục vụ đánh giá, dự báo xâm thực bờ biển và đề xuất một số giải pháp phòng, chống xâm thực dải ven biển Việt Nam	23.715	196	0,8%	
b	Nhiệm vụ chuyển môn hàng năm	8.325	5.171	62,1%	
-	*Nhiệm vụ chuyển tiếp*	*2.805*	*2.147*	*76,5%*	
+	Sử dụng công nghệ viễn thám theo dõi, giám sát biến động sử dụng đất, dân cư; xây dựng nhà máy thủy điện, đập thủy lợi đầu nguồn và các hoạt động khác trên khu vực biên giới đất liền	2.805	2.147	76,5%	
-	*Nhiệm vụ mở mới*	*5.520*	*3.024*	*54,8%*	
+	Ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát mực nước biển phục vụ quản lý biển, hải đảo và ứng phó biến đổi khí hậu.	968	899	92,9%	
+	"Ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát, cập nhật thông tin hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin phục vụ cảnh báo sớm, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét" thuộc Đề án "Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam".	480	424	88,3%	
+	Xây dựng Đề án phát triển hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám (trong đó có kế hoạch phát triển trạm thu dữ liệu viễn thám)	4.072	1.701	41,8%	
1.2.2	***Các hoạt động khác***				
1.2.3	***Nhiệm vụ đặc thù***	***57.262***	***24.768***	***43,3%***	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
-	Bảo trì trạm thu ảnh viễn thám	12.838	265	2,1%	
-	Đề án "Ứng dụng viễn thám giám sát thường xuyên phục vụ các lĩnh vực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường":	19.494	10.899	55,9%	
-	Mua tín hiệu, dữ liệu viễn thám phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh	24.730	13.604	55,0%	
-	Xây dựng định mức KT-KT	200	0	0,0%	
+	*Định mức kinh tế - kỹ thuật Vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám*	*200*	*0*	*0,0%*	
IV	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**55.350**	**7.097**	**12,8%**	
1	***Vốn trong nước***	***14.678***	***7.097***	***48,4%***	
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**0**	**0**		
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**14.678**	**7.097**	**48,4%**	
1.2.1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	14.264	7.097	49,8%	
a	*Nhiệm vụ chuyển tiếp*	*12.924*	*6.548*	*50,7%*	
-	Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí từ các nguồn xuyên biên giới	2.292	1.490	65,0%	
-	Giám sát ô nhiễm tràn dầu trên biển phục vụ ứng phó sự cố môi trường bằng công nghệ viễn thám	3.840	2.178	56,7%	
-	Sử dụng công nghệ viễn thám giám sát rạn san hô tại các quần đảo trọng điểm xa bờ phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học.	6.792	2.880	42,4%	
b	*Nhiệm vụ mở mới*	*1.340*	*549*	*41,0%*	
-	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát tác động của hoạt động lấn biển đến môi trường biển, định hướng sử dụng tài nguyên và môi trường biển bền vững khu vực biển phía Bắc (từ Quảng Ninh đến Hưng Yên).	1.340	549	41,0%	
1.2.2	Các hoạt động khác	414	0	0,0%	
a	Vốn đối ứng	414	0	0,0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (Tỷ lệ%)	Ghi chú
-	Thiết lập và triển khai Hệ thống thông tin địa lý về Tính dễ tổn thương Do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam dựa trên Công nghệ viễn thám	414	0	0,0%	
2	***Vốn nước ngoài***	***40.672***	***0***	***0,0%***	
2.1	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**40.672**	**0**	**0,0%**	
a	Vốn viện trợ	40.672	0	0,0%	
-	Thiết lập và triển khai Hệ thống thông tin địa lý về Tính dễ tổn thương Do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam dựa trên Công nghệ viễn thám	40.672	0	0,0%	Đơn vị chưa được tiếp nhận

Ghi chú:

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC VIỄN THÁM QUỐC GIA

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2026

(Kèm theo quyết định số 198 */QĐ-VTQG ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Cục Viễn thám quốc gia)*

I. Dự toán được giao

Căn cứ Quyết định số 5818/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Cục Viễn thám quốc gia, Cục Viễn thám quốc gia được giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cụ thể như sau:

1.Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: 6.000 triệu đồng, trong đó:

+ Số thu phí được để lại chi là: 3.300 triệu đồng

+ Số phí, lệ phí nộp NSNN là: 2.700 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước: 168.760 triệu đồng

- Vốn nước ngoài là: 40.672 triệu đồng

- Vốn trong nước là: 128.088 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn quản lý hành chính: 8.766 triệu đồng

+ Nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ: 15.342 triệu đồng

+ Nguồn các hoạt động kinh tế: 89.302 triệu đồng

+ Nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường: 14.678 triệu đồng

II. Tình hình thực hiện

1. Dự toán thu NSNN:

- Phí sử dụng tư liệu viễn thám: Tính đến hết quý III năm 2026, tổng số thu phí đạt 1.580 triệu đồng/6.000 triệu đồng dự toán được giao, đạt tỷ lệ 26,3% (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 880 triệu đồng).

2. Dự toán chi NSNN

Tính đến hết quý III năm 2026, tổng giải ngân các nguồn vốn đạt 54.018 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn nước ngoài là: 0 triệu đồng (Đến thời điểm báo cáo, đơn vị chưa được tiếp nhận).

- Nguồn vốn trong nước là: Tổng giải ngân nguồn vốn trong nước đến hết quý III năm 2026 là: 54.018 triệu đồng/128.088 triệu đồng dự toán được sử dụng, đạt tỷ lệ 42,2% (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 26.963 triệu đồng). Cụ thể:

+ Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Tính đến hết quý III năm 2026 tổng giải ngân là 11.486 triệu đồng/15.342 triệu đồng dự toán được sử dụng, đạt tỷ lệ 74,9% (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 3.989 triệu đồng).

+ Nguồn các hoạt động kinh tế: Tính đến hết quý III năm 2026 tổng giải ngân là 30.135 triệu đồng/89.302 triệu đồng dự toán được sử dụng, đạt tỷ lệ 33,7% (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 18.599 triệu đồng).

+ Nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường: Tính đến hết quý III năm 2026 tổng giải ngân là 7.097 triệu đồng/14.678 triệu đồng dự toán được sử dụng, đạt tỷ lệ 48,4 % (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 2.589 triệu đồng).

+ Nguồn quản lý hành chính là: Tính đến hết quý III năm 2026 tổng giải ngân là 5.300 triệu đồng/8.766 triệu đồng dự toán được sử dụng, đạt tỷ lệ 60,5% (trong đó số giải ngân quý III năm 2026 là 1.787 triệu đồng).